

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ IV NĂM 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
A	TÀI SẢN		
I	Tài sản ngắn hạn	231.462.394.286	347.539.788.214
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	97.497.314.671	19.610.913.495
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	27.973.911.400	67.442.104.400
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	44.258.007.179	75.793.552.266
4	Hàng tồn kho	51.726.474.594	174.856.909.492
5	Tài sản ngắn hạn khác	10.006.686.442	9.836.308.561
II	Tài sản dài hạn	98.553.003.083	122.704.224.197
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	98.553.003.083	122.704.224.197
	- Tài sản cố định hữu hình	18.015.301.438	20.739.273.445
	- Tài sản cố định vô hình	11.439.556.542	11.182.064.862
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	69.098.145.103	90.782.885.890
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	0	0
	TỔNG TÀI SẢN	330.015.397.369	470.244.012.411
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	39.378.071.435	121.169.964.454
1	Nợ ngắn hạn	32.912.170.377	115.751.156.252
2	Nợ dài hạn	6.465.901.058	5.418.808.202
II	Vốn chủ sở hữu	290.637.325.934	349.074.047.957
1	Vốn chủ sở hữu	288.893.505.153	345.792.938.635
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.120.000.000	87.840.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	158.037.574.134	159.069.574.134
	- Cổ phiếu quỹ	(11.342.703.700)	(18.001.078.300)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỉ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	31.987.753.030	32.960.423.030
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.945.795.938	67.739.677.284
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	0	0
	- Vốn khác	15.145.085.751	16.184.342.487
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.743.820.781	3.281.109.322
	TỔNG NGUỒN VỐN	330.015.397.369	470.244.012.411

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	843.559.497.036	2.821.249.829.270
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	843.559.497.036	2.821.249.829.270
4	Giá vốn hàng bán	803.393.627.856	2.658.098.188.270
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	40.165.869.180	163.151.641.000
6	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	15.123.828.815	21.111.448.025
7	Chi phí tài chính	435.008.683	1.538.880.415
8	Chi phí bán hàng	27.055.933.631	101.269.566.858
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.215.320.789	12.377.906.957
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.583.434.892	69.076.734.795
11	Thu nhập khác	18.009.999.800	18.009.999.800
12	Chi phí khác		0
13	Lợi nhuận khác	18.009.999.800	18.009.999.800
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.593.434.692	87.086.734.595
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.429.452.599	21.074.350.749
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.163.982.093	66.012.383.846
17	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	3.931	7.825
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT TP.HCM;
 - T/V HĐQT, Ban TGD;
 - BKS;
 - P.TV;
 - Web COM;
 - Lưu VT.
- (Hoàng)